| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẮC NINH**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
| *Bản án số: 60 /2018/HNGĐST*<br>Ngày 08/11/2018<br>*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* | **NHÂN DANH**<br>**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH** |

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Trọng Thinh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, Ông Viêm Văn Doãn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 539/2017/TLST- HNGĐ ngày 06/9/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa:

**Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, thành phố B, tỉnh B ( có mặt tại phiên tòa ).

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn M, xã N thành phố B, tỉnh B ( vắng mặt tại phiên tòa ).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**Bà Nguyễn thị S, sinh năm 1954; Địa chỉ:** Thôn M, xã N, thành phố B, tỉnh B. ( vắng mặt tại phiên tòa ).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị M vào năm 2005 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q ,tỉnh B ( nay thuộc thành phố B), tỉnh B sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh tại thôn M , xã N, thành phố B . Anh và chị M sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M có lời lẽ không đúng với mẹ anh có lần chị M cầm lọ thủy tinh đập vào đầu mẹ anh phải đi bệnh viện. Ngoài ra giữa anh và chị M còn thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Do không chịu được cảnh sống như vậy nên vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình

cảm không ai quan tâm tới ai từ tháng năm 2015 đến nay. Năm 2015 anh đã làm đơn xin ly hôn chị M nhưng được gia đình khuyên giải nên anh rút đơn về vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Nhưng từ khi rút đơn năm 2015 đến nay tình cảm giữa hai vợ chồng không được cải thiện, thực tế vợ chồng còn mâu thuẫn hơn, tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng sống  ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ được chị xin được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn mạnh H, sinh ngày 30/3/2007, Nguyễn Trung K, sinh ngày 12/11/2009, hiện nay các cháu đang sống cùng anh K, nay ly hôn anh  xin được nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh có công ăn lái xe và thu nhập ổn định 13.000.000đ/ một tháng.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Anh K đề nghị trích chia theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn, bản sao giấy chứng nhận kết hôn; quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; bản sao Sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của con ( bản sao), anh đã thực hiện việc gửi tài liệu cho bị đơn .

Về phía bị đơn là  chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị xác nhận vào năm 2005 chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh B ( nay thuộc thành phố B), tỉnh B, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh K tại thôn M, xã N, thành phố B . Chị và anh K sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Khoa có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài tên Trần Thị H, sinh năm 1989 ở phố T, H, B làm việc tại Công ty Sam sung. Bằng chứng cụ thể về việc anh Khoa có quan hệ với chị H thì chị không cung cấp được cho Tòa án vì chị chỉ nghe con chị nói vậy. Nay anh K làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý vì lý do 02 con còn nhỏ. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 7/2017 đến nay.

Về con chung: Chị và anh Kcó 02 con chung là cháu Nguyễn mạnh H, sinh ngày 30/3/2007, cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 12/11/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm tại công ty Burong- KCN Q, lương 6.500.000đ/ tháng

Về tài sản chung, công nợ không có.

Về công sức: Trong khoảng thời gian từ năm 2005 chị về nhà anh K làm ăn, gia đình anh K có xây được ngôi nhà 2 tầng vào năm 2013 , nay chị yêu cầu trích chia công sức cho chị.

Về công nợ: Không có.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Năm 2005 gia đình bà có tổ chức cưới hỏi cho anh K và chị M, sau khi cưới chị M về nhà bà làm ăn ngay. Đến năm 2013 vợ chồng anh K, chị M có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể bà không rõ nhưng bà chỉ thấy vợ chồng anh K ít nói chuyện, thường xuyên cãi nhau. Bà có khuyên anh K, chị M nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh K làm đơn xin ly hôn chị Mai bà xác định vợ chồng có tiếp tục chung sống được với nhau không là do anh, chị quyết định; Về con chung như anh K, chị M trình bày là đúng, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung do anh Khoa, chị M tự quyết định. Về tài sản chung năm 2013 gia đình bà có xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng, nguồn tiền do bà, anh K bỏ ra, ngoài ra có vay thêm của một số người để trang trải xây dựng nhưng đến nay bà đã thanh toán xong bà không có ý kiến gì về việc vay mượn. Bà là người trực tiếp lo toan việc xây dựng từ mua nguyên vật liệu, chi trả nguyên vật liệu, công thợ. Chị M đi làm tiền lương chị có trích ra một phần để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Nay anh K xin ly hôn chị M, bản thân chị M có yêu cầu trích chia công sức trong thời gian chị sống chung cùng gia đình bà, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong chị M vẫn không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đầy đủ, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ .

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 61, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K. Xử: cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị M, về con chung giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 30/3/2007 cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 12/11/2009 cho chị M nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về công sức:.Buộc anh Nguyễn Văn K phải trích trả cho chị Nguyễn Thị M 200.000.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn Kvà chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 2005, trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Sơn, huyện Q, tỉnh B (nay thuộc thành phố B), tỉnh B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 11 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, ngoài ra giữa anh K và chị M còn thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ không ai quan tâm tới ai nữa từ tháng 7/2017 đến nay. Việc anh Nguyễn Văn K có đơn xin ly hôn, xong chị M đã được Tòa án triệu tập lên Tòa án làm việc. Chị M không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, trong thời gian trên chị M cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K, chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K là giải phóng cho cả đôi bên là phù hợp.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn mạnh Hùng, sinh ngày 30/3/2007, cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 12/11/2009. Hiện tại anh K, chị M có công việc và thu nhập ổn định, nay ly hôn anh K, chị M đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh K, chị M mỗi người nuôi một con; giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 30/3/2007 cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 12/11/2009 cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo cuộc sống của cháu H và cháu K.

Về tài sản: Không có.

Về công sức: Trong thời gian chị M về làm dâu gia đình vào năm 2013 gia đình bà S có làm được ngôi nhà 2 tầng có công sức đóng góp của chị M nên cần buộc bà S phải trích chia công sức cho chị M một khoản tiền nhất định là phù hợp với pháp luật.

Về công nợ: không có.

Về án phí: Anh Khoa phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 58, 61, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Anh Nguyễn Văn Kđược ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 30/3/2007 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 12/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Mai trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Không có

Về công sức : Buộc bà Nguyễn Thị S phải trích chia công sức cho chị Nguyễn Thị M là 174.830.000đ ( một trăm bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng ).

Về công nợ: không có.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000332 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh Nguyễn Văn K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theod thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án, thời hiệu thi hành án theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- CC THADS TP B

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**Lương Trọng Thinh**